

Số: 18/NQ-HĐND

Cát Hải, ngày 04 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau sắp xếp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI  
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 18/TTr-UBND, ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân đặc khu, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân đặc khu.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau sắp xếp, như sau:

**1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau sắp xếp**

Tổng nhu cầu vốn đầu tư công là 1.417.440 triệu đồng, giảm 22.264 triệu đồng so với tổng nhu cầu vốn trước sắp xếp được phê chuẩn là 1.439.704 triệu đồng.

**2. Tổng kế hoạch nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau sắp xếp**

**2.1. Tổng kế hoạch nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là 1.231.272 triệu đồng, giảm 6.574 triệu đồng so với kế hoạch vốn trước sắp xếp, trong đó:

- Nguồn Ngân sách thành phố phân cấp: 689.082 triệu đồng;
- Nguồn thu từ sử dụng đất (điều tiết huyện, xã): 71.324 triệu đồng, giảm 20 triệu đồng so với kế hoạch vốn trước sắp xếp;
- Nguồn thu hợp pháp khác: 283.196 triệu đồng, tăng 13.246 triệu đồng so với kế hoạch vốn trước sắp xếp;
- Nguồn NTM kiểu mẫu: 187.670 triệu đồng.

2.2. Chi tiết nguồn vốn hằng năm giai đoạn 2021-2025:

Tổng nguồn vốn 5 năm là 1.231.272 triệu đồng, trong đó:

- Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2024 (huyện Cát Hải): 852.424 triệu đồng;
- + Năm 2021: 128.747 triệu đồng;
- + Năm 2022: 339.054 triệu đồng;
- + Năm 2023: 186.519 triệu đồng;
- + Năm 2024: 198.104 triệu đồng.
- Kế hoạch vốn năm 2025 (đặc khu Cát Hải): 378.848 triệu đồng;
- + Năm 2025: 378.848 triệu đồng.

**3. Phân bổ cho các dự án trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau sắp xếp**

3.1. Phân bổ cho các dự án giai đoạn trung hạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn trung hạn 2021-2025: 252.289 triệu đồng (không thay đổi so với kế hoạch phân bổ vốn trước sắp xếp).

3.2. Phân bổ vốn cho các dự án thực hiện mới giai đoạn 2021-2025: 791.313 triệu đồng (giảm 6.574 triệu đồng so với kế hoạch phân bổ vốn trước sắp xếp).

3.3. Phân bổ cho các dự án chương trình NTM kiểu mẫu: 187.670 triệu đồng (không thay đổi so với kế hoạch phân bổ vốn trước sắp xếp).

*(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải có trách nhiệm triển khai các nội dung tại Điều 1 Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân đặc khu theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân đặc khu Cát Hải khoá I, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 04/8/2025.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND, UBND TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Thường trực Đảng ủy đặc khu;
- Thường trực HĐND đặc khu;
- UBND đặc khu;
- UB MTTQVN đặc khu;
- Các vị đại biểu HĐND đặc khu;
- Văn phòng Đảng ủy đặc khu;
- VP HĐND và UBND đặc khu;
- Trung tâm VHTTTT, Công TTĐT đặc khu;
- Lưu: VT



**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Phương**

**PHỤ LỤC I**  
**TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu Cát Hải)*

ĐVT: Triệu đồng

| STT        | Nguồn vốn                                                               | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 huyện Cát Hải<br>(trước sắp xếp) |                |                |                |                |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải<br>(sau sắp xếp) |                |                |                |                |                | Tăng (+);<br>Giảm (-) |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------|
|            |                                                                         | Tổng 5 năm<br>2021-2025                                                   | Năm 2021       | Năm 2022       | Năm 2023       | Năm 2024       | Năm 2025       | Tổng 5 năm<br>2021-2025                                                   | Năm 2021       | Năm 2022       | Năm 2023       | Năm 2024       | Năm 2025       |                       |
|            | <b>Tổng số: I+II</b>                                                    | <b>1.237.846</b>                                                          | <b>128.747</b> | <b>339.054</b> | <b>186.519</b> | <b>273.608</b> | <b>309.918</b> | <b>1.231.272</b>                                                          | <b>128.747</b> | <b>339.054</b> | <b>186.519</b> | <b>198.104</b> | <b>378.848</b> | <b>-6.574</b>         |
| <b>I</b>   | <b>Huyện Cát Hải</b>                                                    | <b>1.237.846</b>                                                          | <b>128.747</b> | <b>339.054</b> | <b>186.519</b> | <b>273.608</b> | <b>309.918</b> | <b>852.424</b>                                                            | <b>128.747</b> | <b>339.054</b> | <b>186.519</b> | <b>198.104</b> |                | <b>-385.422</b>       |
| <b>II</b>  | <b>Đặc khu Cát Hải</b>                                                  |                                                                           |                |                |                |                |                | <b>378.848</b>                                                            |                |                |                |                | <b>378.848</b> | <b>378.848</b>        |
| <b>III</b> | <b>Chi tiết nguồn</b>                                                   | <b>1.237.846</b>                                                          | <b>128.747</b> | <b>339.054</b> | <b>186.519</b> | <b>273.608</b> | <b>309.918</b> | <b>1.231.272</b>                                                          | <b>128.747</b> | <b>339.054</b> | <b>186.519</b> | <b>198.104</b> | <b>378.848</b> | <b>-6.574</b>         |
| 1          | Ngân sách thành phố phân cấp                                            | 689.082                                                                   | 111.803        | 132.583        | 132.402        | 145.930        | 166.364        | 689.082                                                                   | 111.803        | 132.583        | 132.402        | 145.930        | 166.364        |                       |
| 2          | Nguồn thu từ sử dụng đất<br>(điều tiết cấp huyện, xã)                   | 91.324                                                                    | 11.944         | 11.880         | 15.000         | 35.000         | 17.500         | 71.324                                                                    | 11.944         | 11.880         | 15.000         | 15.000         | 17.500         | -20.000               |
| 3          | Nguồn thu hợp pháp khác                                                 | 269.770                                                                   | 5.000          | 30.310         | 15.728         | 92.678         | 126.054        | 283.196                                                                   | 5.000          | 30.310         | 15.728         | 37.174         | 194.984        | 13.426                |
| -          | Thành phố cấp bổ sung cho<br>dự án, nhiệm vụ TP giao                    |                                                                           |                |                |                |                | 96.054         |                                                                           |                |                |                |                | 96.054         |                       |
| -          | Thường vượt thu, khen thưởng<br>của thành phố                           |                                                                           | 5.000          | 30.310         |                |                |                |                                                                           | 5.000          | 30.310         |                |                |                |                       |
| -          | Vượt thu dự toán năm trước                                              |                                                                           |                |                | 15.728         | 37.174         | 30.000         |                                                                           |                |                | 15.728         | 37.174         | 43.426         | 13.426                |
| -          | Thu khác (Bồi thường GPMB<br>các công trình hạ tầng khu<br>đảo Cát Hải) |                                                                           |                |                |                | 55.504         |                |                                                                           |                |                |                |                | 55.504         |                       |
| 4          | Nguồn xây dựng NTM kiểu<br>mẫu                                          | 187.670                                                                   |                | 164.280,721    | 23.389,476     |                |                | 187.670                                                                   |                | 164.280,721    | 23.389,476     |                |                |                       |

**PHỤ LỤC II**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu Cát Hải)*

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung                                                                | Huyện Cát Hải đã giao (trước sắp xếp) |                                      |                                            |                                                                    |                                                                            |                                                        | Đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                      |                                            |          |                                                        |                                                                          | Chênh lệch tổng nhu cầu vốn | Chênh lệch tổng kế hoạch vốn |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|     |                                                                         | Số dự án                              | Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 |                                                                    |                                                                            |                                                        | Số dự án                      | Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 |          |                                                        |                                                                          |                             |                              |
|     |                                                                         |                                       |                                      | Tổng số                                    | Trong đó                                                           |                                                                            |                                                        |                               |                                      | Tổng số                                    | Trong đó |                                                        |                                                                          |                             |                              |
|     |                                                                         |                                       |                                      |                                            | NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ huyện quyết định đầu tư | NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố quyết định đầu tư | NSTP phân cấp dành cho các dự án xây dựng NTM kiểu mẫu |                               |                                      |                                            |          | NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ của đặc khu | NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố quyết định giao |                             |                              |
|     | TỔNG CỘNG: A+B+C                                                        | 80                                    | 1.439.704                            | 1.237.846                                  | 568.990                                                            | 481.186                                                                    | 187.670                                                | 80                            | 1.417.440                            | 1.231.272                                  | 574.770  | 468.832                                                | 187.670                                                                  | -22.264                     | -6.574                       |
| A   | DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2021-2025                    | 24                                    | 258.098                              | 252.289                                    | 150.481                                                            | 101.808                                                                    |                                                        | 24                            | 258.098                              | 252.289                                    | 150.481  | 101.808                                                |                                                                          | 0                           | 0                            |
| I   | Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án thành phố quyết định đầu tư          | 3                                     | 56.063                               | 56.063                                     | 0                                                                  | 56.063                                                                     |                                                        | 3                             | 56.063                               | 56.063                                     | 0        | 56.063                                                 |                                                                          | 0                           | 0                            |
| II  | Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án huyện quyết định đầu tư              | 21                                    | 202.035                              | 196.226                                    | 150.481                                                            | 45.745                                                                     |                                                        | 21                            | 202.035                              | 196.226                                    | 150.481  | 45.745                                                 |                                                                          | 0                           | 0                            |
| 1   | Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội                 | 11                                    | 194.953                              | 189.144                                    | 143.398                                                            | 45.745                                                                     |                                                        | 11                            | 194.953                              | 189.144                                    | 143.398  | 45.745                                                 |                                                                          | 0                           | 0                            |
| 2   | Dự án theo chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Xuân Đám | 10                                    | 7.082                                | 7.082                                      | 7.082                                                              |                                                                            |                                                        | 10                            | 7.082                                | 7.082                                      | 7.082    |                                                        |                                                                          | 0                           |                              |
| B   | DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025                                     | 51                                    | 993.936                              | 797.887                                    | 418.509                                                            | 379.378                                                                    |                                                        | 51                            | 971.672                              | 791.313                                    | 424.289  | 367.024                                                |                                                                          | -22.264                     | -6.574                       |
| I   | Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án huyện quyết định đầu tư              | 51                                    | 993.936                              | 797.887                                    | 418.509                                                            | 379.378                                                                    |                                                        | 51                            | 971.672                              | 791.313                                    | 424.289  | 367.024                                                |                                                                          | -22.264                     | -6.574                       |
| 1   | Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội                 | 51                                    | 993.936                              | 797.887                                    | 418.509                                                            | 379.378                                                                    |                                                        | 51                            | 971.672                              | 791.313                                    | 424.289  | 367.024                                                |                                                                          | -22.264                     | -6.574                       |
| -   | Năm 2021                                                                | 5                                     | 76.981                               | 76.981                                     | 67.981                                                             | 9.000                                                                      |                                                        | 5                             | 76.981                               | 76.981                                     | 67.981   | 9.000                                                  |                                                                          | 0                           | 0                            |
| -   | Giai đoạn 2022-2023                                                     | 22                                    | 448.198                              | 366.148                                    | 178.117                                                            | 188.031                                                                    |                                                        | 22                            | 433.219                              | 356.859                                    | 174.608  | 182.251                                                |                                                                          | -14.979                     | -9.289                       |
| -   | Giai đoạn 2024-2025                                                     | 24                                    | 468.757                              | 354.758                                    | 172.411                                                            | 182.347                                                                    |                                                        | 24                            | 461.472                              | 357.473                                    | 181.700  | 175.773                                                |                                                                          | -7.285                      | 2.715                        |
| 2   | Vốn chuẩn bị đầu tư                                                     |                                       |                                      |                                            |                                                                    |                                                                            |                                                        |                               |                                      |                                            |          |                                                        |                                                                          |                             |                              |
| II  | Dự phòng kế hoạch vốn chưa phân bổ kỳ này                               |                                       |                                      | 0                                          | 0                                                                  | 0                                                                          |                                                        |                               |                                      | 0                                          | 0        | 0                                                      |                                                                          |                             |                              |
| C   | DỰ ÁN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU                                            | 5                                     | 187.670                              | 187.670                                    |                                                                    |                                                                            | 187.670                                                | 5                             | 187.670                              | 187.670                                    |          |                                                        | 187.670                                                                  |                             |                              |

**PHỤ BIỂU II.1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHUYỂN TIẾP**  
**SANG GIAI ĐOẠN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu Cát Hải)*

*ĐVT: triệu đồng*

DVT: triệu đồng

| STT | Tên dự án                                                                                                                                | Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán | Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 | Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                                                |                                                               | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                          |                                 |                                                                  |                                              | Tổng số                                                                  | Trong đó                                                       |                                                               |         |
|     |                                                                                                                                          |                                 |                                                                  |                                              |                                                                          | NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp | NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao |         |
|     | TỔNG CỘNG: A+B                                                                                                                           | 623.837                         | 365.739                                                          | 258.098                                      | 252.289                                                                  | 150.481                                                        | 101.808                                                       |         |
| A   | DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ SỬ DỤNG TOÀN BỘ VỐN NSTP PHÂN CẤP CHO ĐẶC KHU                                                          | 306.448                         | 250.385                                                          | 56.063                                       | 56.063                                                                   | 0                                                              | 56.063                                                        |         |
| 1   | Dự án đầu tư xây dựng đường nối Khu I-Vịnh Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà                                                                    | 127.177                         | 109.619                                                          | 17.558                                       | 17.558                                                                   |                                                                | 17.558                                                        | QT      |
| 2   | Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tại xã Phù Long, huyện Cát Hải                            | 122.606                         | 87.014                                                           | 35.592                                       | 35.592                                                                   |                                                                | 35.592                                                        |         |
| 3   | Dự án đầu tư Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà - Giai đoạn I, xã Trân Châu, huyện Cát Hải (Cơ cấu vốn: Huyện 58 tỉ đồng; còn lại NSTP) | 56.665                          | 53.752                                                           | 2.913                                        | 2.913                                                                    |                                                                | 2.913                                                         | QT      |
| B   | DỰ ÁN ĐẶC KHU QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ                                                                                                          | 317.389                         | 115.354                                                          | 202.035                                      | 196.226                                                                  | 150.481                                                        | 45.745                                                        |         |
| I   | Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội                                                                                  | 277.337                         | 82.384                                                           | 194.953                                      | 189.144                                                                  | 143.398                                                        | 45.745                                                        |         |
| 1   | San lấp mặt bằng khu dân cư xã Xuân Đám                                                                                                  | 383                             |                                                                  | 383                                          | 383                                                                      | 383                                                            |                                                               | QT      |

| STT | Tên dự án                                                                                     | Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán | Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 | Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                                                |                                                               | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                               |                                 |                                                                  |                                              | Tổng số                                                                  | Trong đó                                                       |                                                               |         |
|     |                                                                                               |                                 |                                                                  |                                              |                                                                          | NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp | NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao |         |
| 2   | Xây dựng khu tái định cư tại TDP Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà                                    | 113.360                         | 11.002                                                           | 102.358                                      | 96.549                                                                   | 96.549                                                         |                                                               |         |
| 3   | Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp khuôn viên, sân khấu trung tâm du lịch Cát Bà                  | 13.994                          | 11.962                                                           | 2.032                                        | 2.032                                                                    | 2.032                                                          |                                                               | QT      |
| 4   | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đoạn qua khu Trung tâm văn hóa thể thao huyện                        | 3.212                           | 2.681                                                            | 531                                          | 531                                                                      | 531                                                            |                                                               | QT      |
| 5   | Xây dựng Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường THPT Cát Bà                                | 14.243                          | 9.043                                                            | 5.200                                        | 5.200                                                                    | 5.200                                                          |                                                               | QT      |
| 6   | Dự án trồng hoa hai bên tuyến đường xuyên đảo Cát Bà phục vụ phát triển du lịch               | 52.603                          | 12.928                                                           | 39.675                                       | 39.675                                                                   | 10.675                                                         | 29.000                                                        | QT      |
| 7   | Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa đường vòng Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà                          | 5.103                           | 4.365                                                            | 738                                          | 738                                                                      | 738                                                            |                                                               | QT      |
| 8   | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Ngã 3 Núi Xê đến bến Bèo                                | 53.814                          | 25.043                                                           | 28.771                                       | 28.771                                                                   | 12.025                                                         | 16.745                                                        | QT      |
| 9   | Xây dựng nhà làm việc Ban Quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà                              | 10.646                          | 3.660                                                            | 6.986                                        | 6.986                                                                    | 6.986                                                          |                                                               | QT      |
| 10  | Quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Hải đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cát Hải | 1.872                           | 1.500                                                            | 372                                          | 372                                                                      | 372                                                            |                                                               | QT      |
| 11  | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại xã Xuân Đám                                        | 8.107                           | 200                                                              | 7.907                                        | 7.907                                                                    | 7.907                                                          |                                                               | QT      |
| II  | Dự án theo chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Xuân Đám                       | 40.052                          | 32.970                                                           | 7.082                                        | 7.082                                                                    | 7.082                                                          | 0                                                             |         |

| STT | Tên dự án                                                              | Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán | Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 | Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                                                |                                                               | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                        |                                 |                                                                  |                                              | Tổng số                                                                  | Trong đó                                                       |                                                               |         |
|     |                                                                        |                                 |                                                                  |                                              |                                                                          | NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp | NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao |         |
| 1   | Đường gắn với tỉnh lộ 356 đoạn bãi Cát Đồn thôn 1 đến ngã ba cổng làng | 3.473                           | 2.880                                                            | 593                                          | 593                                                                      | 593                                                            |                                                               | QT      |
| 2   | Đường từ Nhà văn hóa thôn 1 đến Ao nước thôn 1                         | 7.499                           | 6.660                                                            | 839                                          | 839                                                                      | 839                                                            |                                                               | QT      |
| 3   | Đường từ cổng Làng đến đường 356                                       | 4.912                           | 4.100                                                            | 812                                          | 812                                                                      | 812                                                            |                                                               | QT      |
| 4   | Đường trục thôn từ nhà ông Dân đến nhà văn hóa thôn 2,3                | 1.226                           | 800                                                              | 426                                          | 426                                                                      | 426                                                            |                                                               | QT      |
| 5   | Đường trục thôn từ nhà ông Mặc đến Nhà văn hóa thôn 4                  | 686                             | 600                                                              | 86                                           | 86                                                                       | 86                                                             |                                                               | QT      |
| 6   | Đường trục thôn từ nhà ông Hanh đến nhà ông Vui                        | 5.058                           | 3.600                                                            | 1.458                                        | 1.458                                                                    | 1.458                                                          |                                                               | QT      |
| 7   | Đường ngõ xóm thôn 1                                                   | 6.625                           | 5.130                                                            | 1.495                                        | 1.495                                                                    | 1.495                                                          |                                                               | QT      |
| 8   | Đường ngõ xóm thôn 2                                                   | 2.905                           | 2.900                                                            | 5                                            | 5                                                                        | 5                                                              |                                                               | QT      |
| 9   | Đường ngõ xóm thôn 3                                                   | 2.922                           | 2.200                                                            | 722                                          | 722                                                                      | 722                                                            |                                                               | QT      |
| 10  | Đường ngõ xóm thôn 4                                                   | 4.746                           | 4.100                                                            | 646                                          | 646                                                                      | 646                                                            |                                                               | QT      |

**PHỤ BIỂU II.2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI MỚI CỦA ĐẶC KHU SAU SẮP XẾP  
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu Cát Hải)*

| STT | Tên dự án                                                                                                        | Tổng nhu cầu<br>vốn dự kiến<br>giai đoạn<br>2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc<br>khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                                                         |                                                                        | Ghi chú                                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|     |                                                                                                                  |                                                       | Tổng số                                                                     | Trong đó                                                                |                                                                        |                                            |
|     |                                                                                                                  |                                                       |                                                                             | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, nhiệm vụ đặc<br>khu sau sắp xếp | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, chương trình<br>thành phố giao |                                            |
|     | TỔNG CỘNG: I+II+III                                                                                              | 971.672                                               | 791.313                                                                     | 424.289                                                                 | 367.024                                                                |                                            |
| I   | DANH MỤC ĐÃ ĐẦU TƯ NĂM 2021                                                                                      | 76.981                                                | 76.981                                                                      | 67.981                                                                  | 9.000                                                                  |                                            |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, khuôn viên khu trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ ngã ba Càng Cá đến chân dốc Cát Cò 1) | 38.635                                                | 38.635                                                                      | 29.635                                                                  | 9.000                                                                  | Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT) |
| 2   | Xây dựng cổng chào khu trung tâm du lịch Cát Bà                                                                  | 22.320                                                | 22.320                                                                      | 22.320                                                                  |                                                                        | QT                                         |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đoạn trước cổng Huyện ủy và UBND huyện                                                  | 7.338                                                 | 7.338                                                                       | 7.338                                                                   |                                                                        | QT                                         |
| 4   | Nâng cấp, mở rộng Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Cát Hải                                                              | 8.146                                                 | 8.146                                                                       | 8.146                                                                   |                                                                        | QT                                         |
| 5   | Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư đảo Cát Hải (Giai đoạn 1)                       | 542                                                   | 542                                                                         | 542                                                                     |                                                                        | QT                                         |
| II  | DANH MỤC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2022-2023                                                                              | 433.219                                               | 356.859                                                                     | 174.608                                                                 | 182.251                                                                |                                            |
| 1   | Xây dựng công trình phòng thủ huyện Cát Hải                                                                      | 57.710                                                | 53.188                                                                      |                                                                         | 53.188                                                                 |                                            |
| 2   | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường Hà Sen (từ ngã ba Xây Dựng cũ đến ngã ba thị trấn Cát Bà)                   | 13.909                                                | 13.909                                                                      | 11.909                                                                  | 2.000                                                                  | Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT) |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường 1/4 (từ cổng chợ Cát Bà đến ngã ba thị trấn Cát Bà)                         | 10.872                                                | 10.872                                                                      | 9.872                                                                   | 1.000                                                                  | Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT) |
| 4   | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường Cái Bèo (từ ngã ba Núi Xê đến ngã ba thị trấn Cát Bà)                       | 9.763                                                 | 9.763                                                                       | 8.763                                                                   | 1.000                                                                  | Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT) |
| 5   | Xây dựng Nhà đa năng và phòng học chức năng Trường THPT Cát Bà                                                   | 14.386                                                | 14.386                                                                      | 12.086                                                                  | 2.300                                                                  | QT                                         |

| STT | Tên dự án                                                                                                                         | Tổng nhu cầu<br>vốn dự kiến<br>giai đoạn<br>2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc<br>khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                                                         |                                                                        | Ghi chú                                    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                   |                                                       | Tổng số                                                                     | Trong đó                                                                |                                                                        |                                            |
|     |                                                                                                                                   |                                                       |                                                                             | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, nhiệm vụ đặc<br>khu sau sắp xếp | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, chương trình<br>thành phố giao |                                            |
| 6   | Xây dựng nhà làm việc công an xã Trân Châu                                                                                        | 3.707                                                 | 3.707                                                                       |                                                                         | 3.707                                                                  | QT                                         |
| 7   | Xây dựng nhà làm việc công an xã Việt Hải                                                                                         | 1.059                                                 | 1.059                                                                       |                                                                         | 1.059                                                                  | QT                                         |
| 8   | Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà (giai đoạn 1)                           | 9.060                                                 | 9.060                                                                       | 9.060                                                                   |                                                                        | QT                                         |
| 9   | Xây dựng nhà làm việc công an xã Gia Luận                                                                                         | 4.509                                                 | 4.509                                                                       |                                                                         | 4.509                                                                  | QT                                         |
| 10  | Xây dựng nhà làm việc công an xã Phù Long                                                                                         | 7.520                                                 | 2.250                                                                       |                                                                         | 2.250                                                                  | Tạm dừng                                   |
| 11  | Xây dựng nhà làm việc công an xã Hiền Hào                                                                                         | 5.870                                                 | 5.870                                                                       |                                                                         | 5.870                                                                  | QT                                         |
| 12  | Xây dựng nhà làm việc công an xã Xuân Đám                                                                                         | 4.206                                                 | 4.206                                                                       |                                                                         | 4.206                                                                  | QT                                         |
| 13  | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư quỹ đất 10% thuộc Dự án khu đô thị du lịch Cái Giã - Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 33.408                                                | 32.000                                                                      | 32.000                                                                  |                                                                        |                                            |
| 14  | Dự án Xây dựng Công viên cây xanh Khu du lịch vịnh trung tâm Cát Bà                                                               | 99.311                                                | 40.000                                                                      |                                                                         | 40.000                                                                 |                                            |
| 15  | Dự án Xây dựng Nhà văn hóa xã Việt Hải                                                                                            | 6.156                                                 | 6.156                                                                       | 5.156                                                                   | 1.000                                                                  | Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT) |
| 16  | Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Hải  | 1.499                                                 | 1.499                                                                       | 1.499                                                                   |                                                                        | QT                                         |
| 17  | Cải tạo, nâng cấp đường và vỉa hè khu Trung tâm du lịch thị trấn Cát Bà (đoạn KS Hùng Long đến Cát Cò 3)                          | 13.699                                                | 13.699                                                                      | 13.699                                                                  |                                                                        | QT                                         |
| 18  | Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà (giai đoạn 2)                           | 14.059                                                | 14.059                                                                      | 14.059                                                                  |                                                                        | QT                                         |
| 19  | Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải khu dân cư quanh Hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà                                         | 48.850                                                | 43.000                                                                      | 43.000                                                                  |                                                                        |                                            |
| 20  | Mở rộng Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải (giai đoạn 3) và xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ khu vực đảo Cát Hải                        | 65.557                                                | 65.557                                                                      | 6.205                                                                   | 59.352                                                                 | QT                                         |
| 21  | Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm du lịch Cát Bà                                                           | 7.300                                                 | 7.300                                                                       | 7.300                                                                   |                                                                        | QT                                         |

| STT | Tên dự án                                                                                                                                                                 | Tổng nhu cầu<br>vốn dự kiến<br>giai đoạn<br>2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc<br>khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                                                         |                                                                        | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                           |                                                       | Tổng số                                                                     | Trong đó                                                                |                                                                        |         |
|     |                                                                                                                                                                           |                                                       |                                                                             | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, nhiệm vụ đặc<br>khu sau sắp xếp | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, chương trình<br>thành phố giao |         |
| 22  | Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng phục vụ kỳ họp số của Hội<br>đồng nhân dân huyện                                                                                           | 810                                                   | 810                                                                         |                                                                         | 810                                                                    | QT      |
| III | DANH MỤC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2024-2025                                                                                                                                       | 461.472                                               | 357.473                                                                     | 181.700                                                                 | 175.773                                                                |         |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống kê chống sạt lở<br>đường Núi Xẻ                                                                                                   | 14.990                                                | 14.712                                                                      | 14.712                                                                  |                                                                        |         |
| 2   | Cải tạo, nâng cấp via hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát<br>Bà (đoạn từ số nhà 161 đến số nhà 225, Phố Cát Bà - từ ngã<br>3 Cảng Cá đến khách sạn Viễn Đông)            | 7.857                                                 | 7.857                                                                       | 7.857                                                                   |                                                                        | QT      |
| 3   | Cải tạo, nâng cấp via hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát<br>Bà (đoạn từ số nhà 226, Phố Cát Bà-khách sạn Cát Bà<br>Dream đến chân dốc Cát Cò 1)                         | 8.242                                                 | 8.242                                                                       | 8.242                                                                   |                                                                        | QT      |
| 4   | Cải tạo, nâng cấp via hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc<br>(đoạn từ số nhà 01, Phố Núi Ngọc - khách sạn Cát Bà<br>Waterside đến chân dốc Núi Xẻ và đường ngang Núi Ngọc) | 13.408                                                | 13.408                                                                      | 13.408                                                                  |                                                                        | QT      |
| 5   | Cải tạo, nâng cấp via hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc<br>(đoạn từ số nhà 224, Phố Núi Ngọc- khách sạn Viễn Đông<br>đến chân dốc Núi Xẻ)                                | 12.665                                                | 12.665                                                                      | 12.665                                                                  |                                                                        | QT      |
| 6   | Đầu tư xây dựng bể bơi và các công trình phục vụ học tập<br>thể chất Trường TH&THCS Phù Long                                                                              | 10.522                                                | 10.522                                                                      | 10.522                                                                  |                                                                        | QT      |
| 7   | Đầu tư xây dựng bể bơi học sinh trường TH&THCS Hà Sen                                                                                                                     | 4.203                                                 | 4.203                                                                       | 4.203                                                                   |                                                                        | QT      |
| 8   | Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Văn hóa<br>Thông tin Thể thao huyện                                                                                   | 6.966                                                 | 6.950                                                                       | 6.950                                                                   |                                                                        |         |
| 9   | Cải tạo nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Việt<br>Hải                                                                                                              | 4.220                                                 | 4.220                                                                       | 4.220                                                                   |                                                                        | QT      |
| 10  | Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bãi, bến<br>phà Cái Viềng và các công trình phụ trợ                                                                        | 112.350                                               | 98.504                                                                      | 2.450                                                                   | 96.054                                                                 |         |

| STT | Tên dự án                                                                                                         | Tổng nhu cầu<br>vốn dự kiến<br>giai đoạn<br>2021-2025 | Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc<br>khu Cát Hải (sau sắp xếp) |                                                                         |                                                                        | Ghi chú               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|     |                                                                                                                   |                                                       | Tổng số                                                                     | Trong đó                                                                |                                                                        |                       |
|     |                                                                                                                   |                                                       |                                                                             | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, nhiệm vụ đặc<br>khu sau sắp xếp | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự<br>án, chương trình<br>thành phố giao |                       |
| 11  | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xuyên đảo Cát Bà đoạn từ ngã 3 Áng Sỏi đến hang Quân Y, xã Trân Châu                | 14.418                                                | 14.418                                                                      |                                                                         | 14.418                                                                 | QT                    |
| 12  | Hạ ngầm đường điện trung thế 35kV từ cột 224 đến cột 227 lộ 375E2.43 tại Tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà     | 7.081                                                 | 6.700                                                                       | 6.700                                                                   |                                                                        |                       |
| 13  | Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư đảo Cát Hải (giai đoạn 1) - lần 3                       | 443                                                   | 443                                                                         | 443                                                                     |                                                                        | QT                    |
| 14  | Dự án Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm xử lý nước thải thị trấn Cát Bà                                       | 8.851                                                 | 8.500                                                                       | 8.500                                                                   |                                                                        |                       |
| 15  | Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Lộ (cơ sở 2)                                                               | 91.324                                                | 54.237                                                                      | 21.500                                                                  | 32.737                                                                 |                       |
| 16  | Xây dựng Trường Mầm non Sao Mai (cơ sở 2)                                                                         | 57.260                                                | 40.000                                                                      | 20.000                                                                  | 20.000                                                                 |                       |
| 17  | Đầu tư khắc phục các công trình vi phạm các nội dung không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy của huyện Cát Hải | 14.990                                                | 6.900                                                                       |                                                                         | 6.900                                                                  |                       |
| 18  | Xây dựng kè bê tông tại lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà                                                            | 8.047                                                 | 7.870                                                                       | 7.870                                                                   |                                                                        |                       |
| 19  | Đầu tư các hạng mục hỗ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà                                                       | 4.425                                                 | 4.200                                                                       | 4.200                                                                   |                                                                        | Điều chỉnh chủ trương |
| 20  | Nạo vét hồ Tùng Dinh thị trấn Cát Bà                                                                              | 14.797                                                | 12.322                                                                      | 12.322                                                                  |                                                                        |                       |
| 21  | Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải                                                               | 302                                                   | 302                                                                         | 302                                                                     |                                                                        | Dừng thực hiện        |
| 22  | Xây dựng Nhà Văn hóa Tổ dân phố 1, thị trấn Cát Bà                                                                | 6.009                                                 | 2.200                                                                       | 2.200                                                                   |                                                                        |                       |
| 23  | Đầu tư hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông huyện Cát Hải                          | 7.371                                                 | 6.512                                                                       | 6.512                                                                   |                                                                        |                       |
| 24  | Đầu tư xây dựng mới Trường THPT Cát Hải (Cơ cấu vốn huyện phân bổ 30.731 triệu đồng)                              | 30.731                                                | 11.586                                                                      | 5.922                                                                   | 5.664                                                                  |                       |

**PHỤ BIỂU II.3: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU  
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu Cát Hải)*

| STT | Tên dự án                                                         | Tổng nhu cầu<br>vốn giai đoạn<br>2021-2025 | Dự kiến Kế hoạch vốn trung hạn<br>giai đoạn 2021-2025 |                                                                 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                   |                                            | Tổng số                                               | Trong đó:                                                       |         |
|     |                                                                   |                                            |                                                       | NSTP phân cấp<br>dành cho các dự án<br>xây dựng NTM<br>kiểu mẫu |         |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                 | <b>187.670</b>                             | <b>187.670</b>                                        | <b>187.670</b>                                                  |         |
| 1   | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Phù Long  | 26.872,266                                 | 26.872,266                                            | 26.872,266                                                      | QT      |
| 2   | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Gia Luận  | 65.155,389                                 | 65.155,389                                            | 65.155,389                                                      | QT      |
| 3   | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Hiền Hào  | 16.333,019                                 | 16.333,019                                            | 16.333,019                                                      | QT      |
| 4   | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trân Châu | 56.308,337                                 | 56.308,337                                            | 56.308,337                                                      | QT      |
| 5   | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Việt Hải  | 23.001,186                                 | 23.001,186                                            | 23.001,186                                                      | QT      |

**PHỤ LỤC III: CHI TIẾT DỰ ÁN TĂNG GIẢM NHU CẦU VÀ KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN SAU SẮP XẾP**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu Cát Hải)

Đơn vị: triệu đồng

| STT       | Tên dự án                                                                                                                                   | Nhu cầu và kế hoạch vốn trước sắp xếp | Chi tiết điều chỉnh |                 | Điều chỉnh kỳ này | Chênh lệch     |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------|-------------------|----------------|
|           |                                                                                                                                             |                                       | Điều chỉnh giảm     | Điều chỉnh tăng |                   |                |
| <b>A</b>  | <b>CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH NHU CẦU VỐN</b>                                                                                                     | <b>242.197</b>                        | <b>-36.110</b>      | <b>13.846</b>   | <b>219.933</b>    | <b>-22.264</b> |
| <b>I</b>  | <b>Dự án giảm nhu cầu vốn</b>                                                                                                               | <b>143.693</b>                        | <b>-36.110</b>      | <b>0</b>        | <b>107.583</b>    | <b>-36.110</b> |
|           | <i>Dự án có quyết toán được duyệt</i>                                                                                                       |                                       |                     |                 |                   |                |
| 1         | Xây dựng nhà làm việc công an xã Hiền Hào                                                                                                   | 6.459                                 | -589                |                 | 5.870             | -589           |
| 2         | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 226, Phố Cát Bà-khách sạn Cát Bà Dream đến chân dốc Cát Cò 1) | 9.500                                 | -1.258              |                 | 8.242             | -1.258         |
| 3         | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 224, Phố Núi Ngọc- khách sạn Viễn Đông đến chân dốc Núi Xê)        | 13.832                                | -1.167              |                 | 12.665            | -1.167         |
| 4         | Đầu tư xây dựng bể bơi và các công trình phục vụ học tập thể chất Trường TH&THCS Phù Long                                                   | 11.088                                | -566                |                 | 10.522            | -566           |
| 5         | Mở rộng Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải (giai đoạn 3) và xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ khu vực đảo Cát Hải                                  | 79.947                                | -14.390             |                 | 65.557            | -14.390        |
|           | <i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>                                                                                                      |                                       |                     |                 |                   | 0              |
| 6         | Đầu tư các hạng mục hỗ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà                                                                                 | 14.990                                | -10.565             |                 | 4.425             | -10.565        |
| 7         | Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải                                                                                         | 7.877                                 | -7.575              |                 | 302               | -7.575         |
| <b>II</b> | <b>Dự án tăng nhu cầu vốn</b>                                                                                                               | <b>98.504</b>                         |                     | <b>13.846</b>   | <b>112.350</b>    | <b>13.846</b>  |
| 1         | Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bãi, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ                                             | 98.504                                |                     | 13.846          | 112.350           | 13.846         |
| <b>B</b>  | <b>CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN</b>                                                                                                    | <b>202.197</b>                        | <b>-20.996</b>      | <b>14.422</b>   | <b>195.623</b>    | <b>-6.574</b>  |
| <b>I</b>  | <b>Dự án giảm kế hoạch vốn</b>                                                                                                              | <b>184.841</b>                        | <b>-20.996</b>      | <b>0</b>        | <b>163.845</b>    | <b>-20.996</b> |
|           | <i>Dự án có quyết toán được duyệt</i>                                                                                                       |                                       |                     |                 |                   |                |
| 1         | Xây dựng nhà làm việc công an xã Hiền Hào                                                                                                   | 6.400                                 | -530                |                 | 5.870             | -530           |

| STT       | Tên dự án                                                                                                                                   | Nhu cầu và kế hoạch vốn trước sắp xếp | Chi tiết điều chỉnh |                 | Điều chỉnh kỳ này | Chênh lệch    |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------|-------------------|---------------|
|           |                                                                                                                                             |                                       | Điều chỉnh giảm     | Điều chỉnh tăng |                   |               |
| 2         | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 226, Phố Cát Bà-khách sạn Cát Bà Dream đến chân dốc Cát Cò 1) | 8.516                                 | -274                |                 | 8.242             | -274          |
| 3         | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 224, Phố Núi Ngọc- khách sạn Viễn Đông đến chân dốc Núi Xê)        | 12.816                                | -151                |                 | 12.665            | -151          |
| 4         | Đầu tư xây dựng bể bơi và các công trình phục vụ học tập thể chất Trường TH&THCS Phù Long                                                   | 10.700                                | -178                |                 | 10.522            | -178          |
| 5         | Mở rộng Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải (giai đoạn 3) và xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ khu vực đảo Cát Hải                                  | 69.066                                | -3.509              |                 | 65.557            | -3.509        |
|           | <b>Dự án đang triển khai thực hiện</b>                                                                                                      |                                       |                     |                 |                   | 0             |
| 6         | Xây dựng nhà làm việc công an xã Phù Long                                                                                                   | 7.500                                 | -5.250              |                 | 2.250             | -5.250        |
| 7         | Đầu tư các hạng mục hỗ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà                                                                                 | 5.337                                 | -1.137              |                 | 4.200             | -1.137        |
| 8         | Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Lộ (cơ sở 2)                                                                                         | 62.311                                | -8.074              |                 | 54.237            | -8.074        |
| 9         | Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải                                                                                         | 2.195                                 | -1.893              |                 | 302               | -1.893        |
| <b>II</b> | <b>Dự án tăng kế hoạch vốn</b>                                                                                                              | <b>17.356</b>                         | <b>0</b>            | <b>14.422</b>   | <b>31.778</b>     | <b>14.422</b> |
| 1         | Nạo vét hồ Tùng Dinh thị trấn Cát Bà                                                                                                        | 5.322                                 |                     | 7.000           | 12.322            | 7.000         |
| 2         | Xây dựng kè bê tông tại lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà                                                                                      | 6.370                                 |                     | 1.500           | 7.870             | 1.500         |
| 3         | Đầu tư xây dựng mới Trường THPT Cát Hải                                                                                                     | 5.664                                 |                     | 5.922           | 11.586            | 5.922         |